

Bản án số: 913/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Liêm;

Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1699/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Kim H, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Thái Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Đình T tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà thuê, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày

của bà H thì do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà và ông T đã ly thân và không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay. Vì vậy bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Thái Quang V, sinh ngày 08/10/2007.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Vũ Thái Quang V cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Kim H ly hôn ông Vũ Đình T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Thái Quang V, sinh ngày 08/10/2007. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Vũ Thái Quang V cho đến khi trẻ V đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Thái Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vũ Đình T, do ông T cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, các thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 465, quyển số 03 ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Kim H và ông Vũ Đình T là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy trước khi kết hôn bà H và ông T đã có thời gian tìm hiểu, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm và cuộc sống chung không hòa hợp. Tại phiên tòa bà H khẳng định tình cảm vợ chồng khó hòa hợp nên không thể sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Qua kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “*Cuộc sống vợ chồng bà Thái Kim H và ông Vũ Đình T không hạnh phúc; hiện nay bà H và ông T không sống chung với nhau; đề nghị tòa án giải quyết ly hôn theo quy định*”, nên ghi nhận được mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật, cuộc sống gia đình không có sự vun đắp, không cùng chia sẻ tình cảm và trách nhiệm, vợ chồng không có hạnh phúc. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa để tham gia phiên Tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt, thể hiện ông T không quan tâm đến kết quả yêu cầu xin ly hôn của bà H tại Tòa. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Thái Kim H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Thái Quang V, sinh ngày 08/10/2007.

Xét lời trình bày của bà H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ V và trẻ V cũng có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời theo bà H trình bày từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì trẻ V đều cùng sống với bà. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao quyền trực tiếp nuôi trẻ Vũ Thái Quang V cho bà H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Kim H ly hôn ông Vũ Đình T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Thái Quang V, sinh ngày 08/10/2007.

Giao bà Thái Kim H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Vũ Thái Quang V, sinh ngày 08/10/2007 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi và bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của ông T và bà H đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Thái Kim H phải chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0028215 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4/ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường F, quận G,
Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận kết
hôn số 465 quyền số 03 ngày 29/12/2006);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Chinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Hoàng Thị Chinh